

H, ngày 01 tháng 4 năm 2019

Số: 96/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q**

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Đỗ Thị M - sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 16, khu 2, ph-ờng H, thành phố H, tỉnh Q.

Anh Nguyễn Tiến H - sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 16, khu 2, ph-ờng H, thành phố H, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H đăng ký kết hôn ngày 04/3/2011 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm trong tất cả mọi lĩnh vực, vợ chồng sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi xô xát nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu, mặc dù cả hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Hiện nay hai bên đã sống ly thân hai năm không còn quan tâm đến nhau và không có khả năng quay lại đoàn tụ. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H có một con chung là Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08 tháng 7 năm 2011. Chị M và anh H thỏa thuận: Chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận tài sản, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[4] Về lệ phí: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H thỏa thuận chị M nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành , không có đ-ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 08 tháng 7 năm 2011 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Tiến H không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác nhận vợ chồng không vay nợ chung đối với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị M đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000797 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị M đã nộp xong tiền lệ phí của việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Đ